**BẢNG MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên Chương trình: **Chương trình đào tạo cử nhân chính quy**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

Mã ngành đào tạo: **52340101**

Cấp bởi: **Trường Đại học Lạc Hồng**

Đối tượng áp dụng: **Từ khóa tuyển sinh năm 2020**

Thời điểm công bố: **10/2020**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1.1 Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đạo tạo Quản trị kinh doanh ra đời từ năm 1997, với mục tiêu đào tạo ra các cử nhân Quản trị kinh doanh có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để trở thành những nhà quản trị trong mọi tổ chức. Chương trình đào tạo được phát triển theo khung trình độ quốc gia và theo chuẩn khu vực Đông Nam Á với mức độ thích ứng cao phù hợp với nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp.

**1.2 Mục tiêu đào tạo**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh trong vòng 3 năm sẽ có khả năng:

* **PEO1**: Tổ chức và điều phối một cách chuyên nghiệp các công việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh như đại diện bán hàng, điều hành kinh doanh, giám sát kinh doanh, chuyên viên tuyển dụng, điều phối sản xuất, giám sát chất lượng.
* **PEO2**: Tự khởi nghiệp và quản lý doanh nghiệp trong các môi trường kinh doanh khác nhau.
* **PEO3**: Phát triển khả năng bản thân bằng cách tiếp nhận những kiến thức mới qua việc học tập trọn đời.

**1.3 Cơ hội việc làm**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc trong các tổ chức kinh doanh ở mọi thành phần kinh tế, cơ quan chính quyền và các tổ chức phi lợi nhuận với các vị trí có thể đảm nhận:

* Chuyên viên kinh doanh: Nhân viên kinh doanh, trưởng đội nhóm bán hàng
* Chuyên viên phân tích và tư vấn quản trị kinh doanh: Phân tích và tổng hợp báo cáo về kinh doanh, tài chính, sản xuất, nhân sự, …
* Nhà quản trị tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: Giám sát sản xuất, quản đốc, quản trị viên, …
* Nhà quản trị tổng quát: Giám đốc nhà máy, trưởng phòng, …
* Tự thành lập làm chủ doanh nghiệp và điều hành công ty.

**1.4 Quan điểm phát triển chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo này được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực Quản trị kinh doanh chất lượng cao tại tỉnh Đồng Nai và các tỉnh thành trong khu vực vùng Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ.... Đồng thời, chương trình này cũng dựa trên đầu vào là các phản hồi thông qua các cuộc khảo sát chính thức, hội chợ việc làm, cuộc họp xem xét kết quả học tập thường niên cũng như các cuộc họp hàng năm với cựu sinh viên.

**1.5 Hình thức và thời gian đào tạo**

* Hình thức đào tạo: chính quy tập trung.
* Thời gian đào tạo: 3,5 năm.

**1.6 Điểm tham khảo để thông báo kết quả chương trình**

Khảo sát của các bên liên quan

**2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

* Đối tượng 1: Xét tuyển điểm thi PTTH Quốc Gia
* Đã tốt nghiệp THPT
* Đạt điểm sàn theo quy định của Bộ GD&ĐT.
* Đối tượng 2: Xét tuyển học bạ lớp 12 (hoặc học bạ lớp 10, 11, và 12)
* Đã tốt nghiệp THPT
* Tổng điểm cả năm lớp 12 >=6 (hoặc trung bình 3 năm lớp 10, 11, và 12 >=6)
* Đối tượng 3: Xét tuyển điểm thi năng lực quốc gia

**3. CHUẨN ĐẦU RA**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra sau:

* **PLO1**: Áp dụng được kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để giải quyết các tình huống thực tiễn trong ngành Quản trị kinh doanh
* **PLO2**: Đánh giá được những thay đổi, biến động của môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế để hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện chiến lược kinh doanh hiệu quả.
* **PLO3**: Phân tích được các nguồn lực trong sản xuất (nhân lực, vật lực) để có thể sắp xếp, bố trí các hoạt động sản xuất hiệu quả.
* **PLO4**: Triển khai các hoạt động thương mại đến từng nhóm khách hàng theo yêu cầu.
* **PLO5**: Lập kế hoạch kinh doanh để khởi tạo các hoạt động kinh doanh cho bản thân và cho doanh nghiệp.
* **PLO6**: Thực hiện quyết định để giải quyết các vấn đề kinh doanh trong thực tế.
* **PLO7**: Truyền đạt ý tưởng bản thân thông qua ngôn ngữ, hình ảnh và văn bản.
* **PLO8**: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của doanh nhân.
* **PLO9**: Tạo thói quen tự học và nghiên cứu suốt đời.

**4. MỐI LIÊN HỆ GIỮA MÔN HỌC VÀ CHUẨN ĐẦU RA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã môn học** | **Tên môn học** | **Chuẩn đầu ra** | | | | | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** |
| 1 | 125045 | Kinh tế học | 4 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 3 | 2 | 3 |
| 2 | 102063 | Triết học Mác - Lênin | 1 | 1 | 3 | 1 | 1 | 1 | 3 | 2 | 4 |
| 3 | 102064 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 1 | 1 | 3 | 1 | 1 | 1 | 3 | 2 | 4 |
| 4 | 102065 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 1 | 1 | 3 | 1 | 1 | 1 | 3 | 2 | 4 |
| 5 | 100002 | Marketing cơ bản | 2 | 2 | 3 | 4 | 2 | 3 | 2 | 2 | 2 |
| 6 | 100003 | Quản trị học | 3 | 4 | 2 | 1 | 2 | 3 | 2 | 2 | 2 |
| 7 | 102027 | Toán cao cấp C | 2 | 2 | 4 | 1 | 3 | 2 | 1 | 1 | 3 |
| 8 | 102055 | English 1 | 2 | 2 | 1 | 3 | 1 | 1 | 3 | 1 | 4 |
| 9 | 125065 | Văn hóa doanh nghiệp | 3 | 2 | 2 | 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | 2 |
| 10 | 102037 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 2 | 2 | 4 | 1 | 3 | 2 | 1 | 1 | 2 |
| 11 | 102006 | Pháp luật đại cương | 2 | 3 | 1 | 2 | 1 | 2 | 2 | 4 | 2 |
| 12 | 125063 | Tài chính tiền tệ | 3 | 4 | 2 | 1 | 1 | 3 | 2 | 2 | 2 |
| 13 | 125033 | Nguyên lý kế toán | 3 | 2 | 1 | 1 | 1 | 4 | 2 | 3 | 1 |
| 14 | 102014 | Tin học đại cương | 2 | 1 | 2 | 1 | 1 | 1 | 4 | 1 | 3 |
| 15 | 102056 | English 2 | 2 | 2 | 1 | 3 | 1 | 1 | 3 | 1 | 4 |
| 16 | 100007 | Nguyên lý thống kê | 4 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 |
| 17 | 102007 | Quy hoạch tuyến tính | 2 | 3 | 4 | 1 | 3 | 2 | 1 | 1 | 2 |
| 18 | 100010 | Thuế | 4 | 3 | 1 | 2 | 1 | 3 | 2 | 2 | 2 |
| 19 | 125058 | Khởi sự kinh doanh | 2 | 2 | 3 | 2 | 4 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 20 | 125059 | Nghệ thuật lãnh đạo | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 | 1 | 2 | 4 | 1 |
| 21 | 125020 | Quản trị marketing | 2 | 3 | 1 | 4 | 3 | 2 | 2 | 2 | 1 |
| 22 | 102057 | English 3 | 2 | 2 | 1 | 3 | 1 | 1 | 4 | 1 | 3 |
| 23 | 125026 | Thanh toán quốc tế | 2 | 4 | 2 | 3 | 1 | 2 | 2 | 3 | 2 |
| 24 | 100004 | Kinh tế quốc tế | 2 | 4 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 |
| 25 | 125062 | Tin học ứng dụng trong kinh tế | 4 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 |
| 26 | 127026 | Quản trị kinh doanh quốc tế | 4 | 3 | 1 | 1 | 3 | 2 | 2 | 3 | 2 |
| 27 | 125021 | Quản trị nguồn nhân lực | 2 | 2 | 4 | 1 | 1 | 3 | 2 | 3 | 3 |
| 28 | 125004 | Kế toán quản trị | 4 | 2 | 2 | 1 | 3 | 2 | 2 | 2 | 1 |
| 29 | 125054 | Nghiệp vụ xuất nhập khẩu | 2 | 3 | 3 | 4 | 2 | 3 | 2 | 2 | 2 |
| 30 | 125015 | Quản trị chất lượng | 3 | 3 | 2 | 1 | 2 | 3 | 2 | 4 | 2 |
| 31 | 102033 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 1 | 1 | 3 | 1 | 1 | 1 | 3 | 2 | 4 |
| 32 | 102058 | English 4 | 2 | 2 | 1 | 3 | 1 | 1 | 4 | 1 | 3 |
| 33 | 125027 | Thị trường chứng khoán | 1 | 3 | 1 | 1 | 2 | 4 | 2 | 2 | 3 |
| 34 | 125005 | Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng | 3 | 2 | 1 | 2 | 1 | 3 | 4 | 2 | 2 |
| 35 | 102001 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 1 | 1 | 3 | 1 | 1 | 1 | 3 | 2 | 4 |
| 36 | 125048 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 | 2 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 2 | 4 |
| 37 | 125029 | Thương mại điện tử | 3 | 3 | 2 | 4 | 3 | 2 | 3 | 2 | 2 |
| 38 | 125052 | Khởi nghiệp và ứng dụng | 2 | 2 | 3 | 2 | 4 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 39 | 125016 | Quản trị chiến lược | 2 | 4 | 2 | 1 | 4 | 2 | 2 | 3 | 2 |
| 40 | 125024 | Quản trị tài chính | 2 | 3 | 2 | 4 | 2 | 2 | 1 | 2 | 3 |
| 41 | 125055 | Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp | 3 | 3 | 2 | 3 | 2 | 4 | 2 | 3 | 2 |
| 42 | 102059 | English 5 | 2 | 2 | 1 | 3 | 1 | 1 | 4 | 1 | 3 |
| 43 | 125053 | Luật kinh tế | 3 | 2 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 4 | 2 |
| 44 | 125046 | Hành vi tổ chức | 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | 2 | 1 | 4 | 1 |
| 45 | 125056 | Anh văn chuyên ngành quản trị | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 4 | 2 | 3 |
| 46 | 125011 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3 | 1 | 4 | 2 | 2 | 4 | 2 | 1 | 2 |
| 47 | 125018 | Quản trị dự án | 1 | 2 | 3 | 1 | 4 | 2 | 2 | 2 | 3 |
| 48 | 125017 | Quản trị chuỗi cung ứng | 1 | 3 | 3 | 2 | 2 | 4 | 1 | 2 | 2 |
| 49 | 125023 | Quản trị sản xuất | 2 | 3 | 4 | 1 | 3 | 2 | 2 | 2 | 1 |
| 50 | 125057 | Quản trị rủi ro | 3 | 1 | 2 | 1 | 2 | 4 | 2 | 2 | 3 |
| 51 | 102060 | English 6 | 2 | 2 | 1 | 3 | 1 | 1 | 4 | 1 | 3 |
| 52 | 128018 | Luật lao động | 4 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 1 | 2 | 1 |
| 53 | 125035 | Marketing quốc tế | 2 | 3 | 3 | 4 | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 54 | 22222 | Khóa luận tốt nghiệp (Báo cáo NCKH) | 3 | 4 | 4 | 2 | 2 | 4 | 4 | 3 | 3 |
| Khóa luận tốt nghiệp (Báo cáo thực tập tốt nghiệp) | 2 | 4 | 3 | 2 | 2 | 4 | 4 | 3 | 2 |

*Quy ước:*

*1 - Không liên quan đến chuẩn đầu ra*

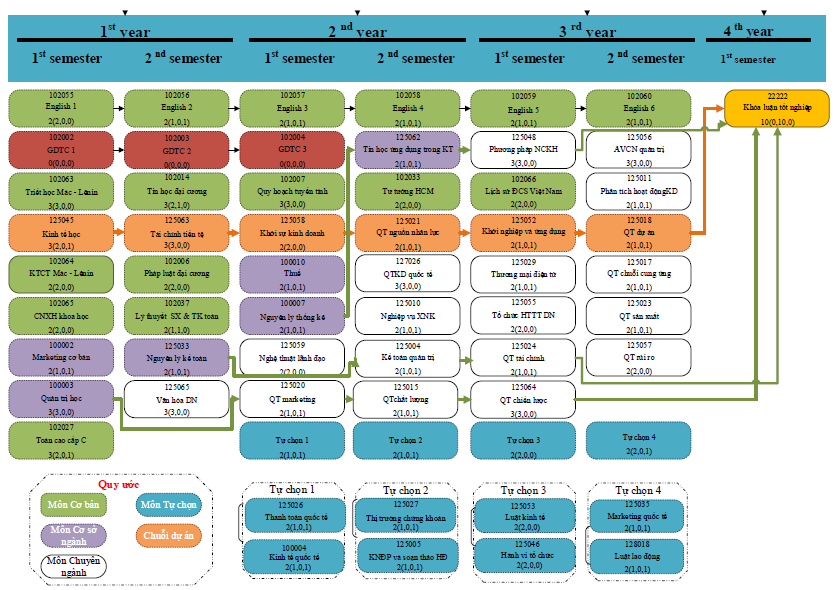
*2 - Liên quan ở mức thấp*

*3 - Liên quan ở mức trung bình*

*4 - Liên quan ở mức cao*

**Ghi chú:** Những môn học được tô màu đậm là những môn học tự chọn trong cùng 1 học kỳ. Sinh viên có thể chọn 1 trong 2 môn đó để học trong mỗi học kỳ.

**5. CHUỖI MÔN HỌC TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**



**6. MAPPING OF TEACHING AND LEARNING METHODS TO ACHIEVE PLOS**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PPN | **Teaching And Learning Methods** | **PLO**  **1** | **PLO**  **2** | **PLO**  **3** | **PLO**  **4** | **PLO**  **5** | **PLO**  **6** | **PLO**  **7** | **PLO**  **8** | **PLO**  **9** |
| 1 | Lecture | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 2 | Forecast | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Graph | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Presentation by PP | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Work Assignment | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Problem set | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Date mainputaion | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Fieldword/Practicum Tests |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Group Discustion |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Survey |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Argument |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Analyze research |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Comparison |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Report |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Problem Solving |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Try Presentation |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 17 | Drill and Practice |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 18 | Project |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 19 | Flipped Class |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 20 | Case study |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| 21 | Try Presentation |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 22 | Role play |  |  |  |  |  |  |  | x |  |
| 23 | Written Reports |  |  |  |  |  |  |  |  | x |
| 24 | Essay |  |  |  |  |  |  |  |  | x |
| 25 | Theory thinking |  |  |  |  |  |  |  |  | x |

**7. MAPPING OF ASSESSMENT METHODS TO ACHIEVE PLOS**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **No.** | **Assessment methods** | **PLO**  **1** | **PLO**  **2** | **PLO**  **3** | **PLO**  **4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** | **PLO9** |
| 1 | Multiple choice test | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Short answer test | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Essay | x |  |  | x |  |  | x |  |  |
| 4 | Performance Test | x |  |  | x |  | x |  | x |  |
| 5 | Written Report |  | x | x | x |  |  | x | x |  |
| 6 | Field Trip |  | x | x | x |  | x |  | x | x |
| 7 | Project |  | x | x |  | x | x | x | x | x |
| 8 | Presentation |  | x | x | x | x |  | x | x | x |
| 9 | Portfolios |  | x | x |  | x | x | x | x | x |
| 10 | Case study | x | x | x |  |  | x |  | x | x |
| 11 | Posters |  |  | x |  | x | x | x | x | x |
| 12 | Journals and Blogs |  |  | x |  | x | x | x | x | x |
| 13 | Oral | x | x | x |  |  |  | x | x |  |
| 14 | Argument |  | x | x |  |  |  | x | x | x |
| 15 | Direct observation | x |  |  |  |  | x |  | x |  |
| 16 | Open exam | x | x | x |  |  |  |  | x |  |
| 17 | Interview | x |  |  |  |  |  | x | x |  |
| 18 | Evaluate |  | x | x |  |  |  | x | x | x |
| 19 | Knowledge system diagram |  | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 20 | Báo cáo/Luận văn |  | x | x | x | x | x | x | x | x |

**8. CÁC KHỐI KIẾN THỨC VÀ TỶ LỆ CÁC KHỐI KIẾN THỨC**

Chương trình giảng dạy chia thành 3 khối kiến thức như bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành phần** | **Số tín chỉ** | | **Tỷ lệ** |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** | 31.67% |
| 1 | Khối kiến thức chung | 38 |  | 15.00% |
| 2 | Khối kiến thức cơ sở ngành | 15 | 3 | 44.17% |
| 3 | Khối kiến thức chuyên ngành | 48 | 5 | 0.83% |
| 4 | Đề án kinh doanh | 1 |  | 8.33% |
| 5 | Khóa luận tốt nghiệp | 10 |  | 31.67% |
| ***Tổng cộng*** | | ***112*** | ***8*** | 100.00% |

* **Khối kiến thức chung**: Bao gồm các học phần về chính trị, tư tưởng, luật và các lý thuyết cơ bản về kinh tế và kinh doanh, … nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức khởi đầu về kinh doanh, quản lý
* **Khối kiến thức cơ sở ngành**: Bao gồm các học phần nghiên cứu về môi trương kinh doanh, khoa học quản lý và các học phần ứng dụng trong kinh doanh và các học phần về tiếng anh chuyên ngành. Khối kiến thức này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về kinh doanh và quản lý.
* **Khối kiến thức chuyên ngành**: Bao gồm các học phần chuyên về quản lý chức năng. Khối kiến thức này cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh.
* **Khóa luận tốt nghiệp**: Trong giai đoạn thực tập, sinh viên tiến hành làm báo cáo nghiên cứu khoa hoặc làm báo cáo tốt nghiệp để hoàn thiện các tiêu chí theo chuẩn đầu ra.

**9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO TỪNG HỌC KỲ**

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Lạc Hồng. Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống tín chỉ, mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính. Trong năm đầu tiên, sinh viên sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức chung và các kiến thức cơ sở về kinh tế và kinh doanh, các học phần chuyên sâu về quản trị sẽ được giảng dạy vào 2 năm tiếp theo và sinh viên tham gia thực tập tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp trong học kỳ cuối.

**10. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

Để tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, sinh viên cần phải đạt được các tiêu chí sau:

1. Không còn nợ môn
2. Chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định của nhà trường

\*\*\* **Đối với hệ chính quy:**

* ***Về ngoại ngữ:***

- Chứng chỉ B ngoại ngữ do trường đại học Lạc Hồng cấp.

- Bảng điểm TOEIC 400 điểm trở lên do trường Đại học Lạc Hồng cấp vào năm 2011

- Bảng điểm TOEIC 400 điểm trở lên (ETS cấp)

- Bảng điểm TOEFL ITP thi trên giấy đạt từ 400 điểm trở lên (ETS cấp)

- Bảng điểm TOEFL iBT đạt từ 32 điểm trở lên (ETS cấp)

- Bảng điểm IELTS đạt từ 4.5 điểm trở lên , không có điểm thành phần nào dưới 4.0

- Bằng CĐ, ĐH ngành ngữ văn anh có phôi bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo

* ***Về tin học:***

- Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin hệ chính quy, tại chức, liên thông, hoàn chỉnh, từ xa;

- Chứng chỉ ứng dụng CNTT Cơ bản hoặc Nâng cao do Trường ĐH Lạc Hồng cấp;

- Chứng chỉ B tin học do Trường ĐH Lạc Hồng cấp;

- Giấy chứng nhận đạt ít nhất 2 trong số 3 kỹ năng tin học văn phòng Microsoft Office Specialist bao gồm: Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft Power Point do Microsoft cấp không quá 24 tháng kể từ ngày thi.

\*\*\* **Đối với hệ văn bằng 2, liên thông, hoàn chỉnh**:

* ***Về ngoại ngữ:***

- Chứng chỉ A ngoại ngữ do trường đại học Lạc Hồng cấp

- Chứng chỉ ngoại ngữ (Phôi chứng chỉ của bộ giáo dục và đào tạo) cấp trước khi nhập học

- Bảng điểm TOEIC 300 điểm trở lên do trường Đại học Lạc Hồng cấp vào năm 2011

- Bảng điểm TOEIC đạt từ 300 điểm trở lên do ETS cấp

- Bảng điểm TOEFL ITP thi trên giấy đạt từ 400 điểm trở lên (ETS cấp)

- Bảng điểm TOEFL iBT đạt từ 32 điểm trở lên (ETS cấp)

- Bảng điểm IELTS đạt từ 4.5 điểm trở lên, không có điểm thành phần nào dưới 4.0

- Bằng CĐ, ĐH ngành ngữ văn anh có phôi bằng của bộ giáo dục và đào tạo

* ***Về tin học:***

Sinh viên hệ đại học liên thông và hoàn chỉnh:

- Chứng chỉ B tin học cấp trước ngày nhập học (Phôi Chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Chứng chỉ ứng dụng CNTT Cơ bản hoặc Nâng cao cấp trước ngày nhập học bởi một trong các trung tâm, cơ sở sát hạch được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tổ chức sát hạch và cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT;

- Các văn bằng chứng chỉ khác theo điều kiện đối với sinh viên hệ đại học chính quy.

Sinh viên hệ đại học văn bằng 2 được miễn yêu cầu về chuẩn đầu ta tin học.

1. Không nợ môn GD quốc phòng, Giáo dục thể chất (không áp dụng điều kiện này với hệ văn bằng 2, hệ hoàn chỉnh)
2. Không nợ học phí và không nợ sách thư viện
3. Chứng chỉ kỹ năng mềm (Điều kiện này chỉ áp dụng cho sinh viên từ khóa 2013 trở về sau (Trừ hệ hoàn chỉnh, văn bằng 2, liên thông)

**11. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN**

* ***Kinh tế học:***

Môn học cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản để phân tích các hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế dưới góc độ vi mô và vĩ mô

Học phần kinh tế vi mô : kinh tế vi mô trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng quy luật kinh tế thị trường vào một số vấn đề như kế toán kiểm toán, quản trị kinh doanh, du lịch, tài chính ngân hàng và nghiên cứu khoa học. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, ứng dụng vào các môn học tiếp theo như kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế, kinh tế lượng,…

Học phần kinh tế vĩ mô giới thiệu một số khái niệm cơ bản về kinh tế học vĩ mô bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô và vận dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái và chính sách thương mại vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.

* ***Marketing cơ bản***

Môn Marketing căn bản được giảng dạy nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản trong nghệ thuật Marketing đối với khách hàng, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các phương án giải quyết nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.

Marketing căn bản cung cấp cho học viên những kiến căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh bao gồm: những khái niệm cơ bản về Marketing ; các yếu tố môi trường tác động đến hành vi mua sắm của khách hàng ; các quyết định marketing và giải quỵết những vấn đề trong thực tiễn kinh doanh.

* ***Quản trị học***

Quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức và phối hợp hoạt động có hiệu quả của các cá nhân trong tổ chức nhằm đạt đến mục tiêu chung của cả tổ chức trong điều kiện biến động của môi trường kinh tế xã hội. Nội dung môn học gồm các vấn đề: Giới thiệu các khái niệm và vai trò của quản trị cũng như lịch sử hình thành của quản trị. Phân biệt hiệu quả và kết quả của quản trị, đồng thời nêu ra những phương pháp tiếp cận quản trị học trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quản trị. Cơ sở khoa học của quản trị: các lý thuyết quản trị, các nguyên tắc và phương pháp quản trị, thông tin và quyết định quản trị. Các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, phối hợp, kiểm tra, điều chỉnh và một số vấn đề về quản trị học hiện đại trong thế kỷ 21, chân dung các nhà quản trị & các kinh nghiệm quản trị của các công ty, doanh nghiệp trong nước và trên thế giới

Một số ứng dụng về lý luận quản trị học đang triển khai & ứng dụng có hiệu quả trong các doanh nghiệp công ty của ngành hàng không VN, và các công ty, hãng hàng không, cảng hàng không- sân bay của các nước tiên tiến trên thế giới.

* ***Văn hóa doanh nghiệp***

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Văn hóa, Văn hóa doanh nghiệp, Vai trò của văn hóa doanh nghiệp đối với sự phát triển của doanh nghiệp, Biểu hiện trực quan & phi trực quan và Phân loại các dạng văn hóa doanh nghiệp, Đạo đức kinh doanh & trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, Nội dung & phương pháp xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

* ***Tài chính tiền tệ***

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính nhà nước: ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp; vốn, nguồn vốn, quản lý vốn, hoạt động của hệ thống ngân hàng (ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán…cho nền kinh tế.

* ***Nguyên lý thống kê***

Môn học Nguyên lý kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

* Trang bị cho người học kiến thức cơ bản nhất về kế toánnhư: định nghĩa về kế toán, các khái niệm, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán, báo cáo kế toán, sổ kế toán...làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp và kế toán công, kế toán tài chính và kế toán quản trị.
* Định hướng được quan hệ giữa kế toán với quản lý trên các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo của mình.
* ***Thuế***

## Môn Thuế là môn học dành cho sinh viên khối ngành kinh tế với những kiến thức lý thuyết cơ bản về tài chính công và thuế; hệ thống thuế Việt Nam: Khái niệm, đặc điểm, đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, đăng ký, kê khai, nộp, miễn, giảm, hoàn, truy thu và thủ tục nộp của các luật thuế Việt Nam hiện hành

* ***Khởi sự kinh doanh***

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp, vận dụng để xây dựng được một bản kế hoạch khởi sự kinh doanh trong một lĩnh vực cụ thể. Xây dựng được kế hoạch hành động từ khi dự án kinh doanh được quyết định triển khai đến khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Hình thành và phát triển năng lực tư duy về kinh doanh và khởi sự kinh doanh. Hình thành niềm say mê kinh doanh, phong cách, sự tự tin và tính chuyên nghiệp của các nhà quản trị tương lai và tinh thần không ngừng học hỏi để thành công.

* ***Nghệ thuật lãnh đạo***

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích: Bản chất của lãnh đạo; Phẩm chất & Kỹ năng của nhà lãnh đạo; Việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất; Sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể; Phát huy năng lực của tập thể; Khảo sát đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, mặt yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo… Học phần này rất cần thiết đối với sinh viên khi tiếp cận các vấn đề thực tế trong quá trình ra quyết định.

* ***Quản trị marketing***

Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng trong việc hoạch định chiến lược Marketing trên cơ sở phân tích và dự báo nhu cầu thị trường; hiểu được hành vi của người tiêu dùng và của tổ chức, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh. Qua đó vận dụng các kiến thức đã học để hoạch định chiến lược marketing hỗn hợp nhằm giúp công ty tăng cường lợi thế cạnh tranh trên thương trường.

* ***Thanh toán quốc tế***

Môn học trình bày chi tiết về những kiến thức về thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh hối đoái và vận dụng nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro tỉ giá; các phương tiện thanh toán được sử dụng trong thanh toán quốc tế; nắm vững cách thức lựa chọn và sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương, đặc biệt là phương thức thanh toán L/C

* ***Kinh tế quốc tế***

Môn học này trình bày các lý thuyết thương mại đầu tư quốc tế, các công cụ can thiệp vào mậu dịch tự do cũng như các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, sự dịch chuyển nguồn lực quốc tế, tài chính quốc tế giúp sinh viên nắm vững cơ sở lý luận, phân tích khoa học bản chất của thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực, toàn cầu.

* ***Tin học ứng dụng trong kinh tế***

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về áp dụng phần mềm thống kê SPSS, Excel nâng cao trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế kinh doanh. Viết thuyết minh kết quả và đưa ra các hàm ý chính sách từ kết quả ứng dụng nghiên cứu.

* ***Quản trị kinh doanh quốc tế***

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc am hiểu môi trường kinh doanh toàn cầu, nhận diện những thách thức và tận dụng cơ hội mang đến cho các doanh nghiệp trong bối cảnh Việt nam tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Nội dung gồm 3 phần chính: quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới, môi trường hoạt động của các công ty kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường thế giới; các chiến lược chức năng mà các công ty kinh doanh quốc tế thực hiện.

* ***Quản trị nguồn nhân lực***

Môn học Quản trị nguồn nhân lực trang bị cho sinh viên các ngành quản trị kinh doanh những kiến thức, kỹ năng về quản trị nguồn nhân lực (Human resource management) nhằm giúp các nhà quản trị tương lai nắm vững các nguyên tắc, kỹ năng, nghệ thuật quản lý nguồn nhân lực - tài nguyên quý giá nhất của doanh nghiệp.

* ***Kế toán quản trị***

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí kinh doanh.

* ***Nghiệp vụ xuất nhập khẩu***

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp sinh viên hiểu biết về các công tác giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài.

* ***Quản trị chất lượng***

## Quản lý chất lượng (Quality Management) là môn khoa học ứng dụng liên ngành còn mới mẻ đối với Việt Nam, có vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Quản lý chất lượng đề cập đến toàn bộ các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành chất lượng sản phẩm trong tất cả các giai đoạn từ thiết kế, sản xuất đến tiêu dùng; trong đó yếu tố cơ bản nhất là con người (lãnh đạo, cán bộ, công nhân…)

* ***Thị trường chứng khoán***

Môn học thị trường chứng khoán cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán, cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán, cơ chế giao dịch của thị trường, các sàn giao dịch chứng khoán và hàng hóa của thị trường chứng khoán. Đồng thời hướng dẫn sinh viên các phương pháp phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật trên thị trường chứng khoán, để sinh viên có thể dễ dàng vận dụng vào đầu tư chứng khoán.

* ***Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng***

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng như: cách thức giao tiếp, trình tự đàm phán, cách phát biểu trên bàn đàm phán, cách chuẩn bị đàm phán, cách nắm vững các lợi ích cốt yếu khi đàm phán, cách vượt qua các trở ngại khi đàm phán. Sinh viên nắm bắt được mục đích soạn thảo, khung sườn của một hợp đồng cơ bản, cách thức soạn thảo các điều khoản trong hợp đồng.

* ***Phương pháp nghiên cứu khoa học***

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học. Cách thu thập dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Cách xử lý dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu. Cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

* ***Thương mại điện tử***

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, internet và website. Giới thiệu các phương thức thanh toán trong TMĐT. Bên cạnh đó nghiên cứu, xây dựng và triển khai các mô hình TMĐT.

* ***Khởi nghiệp và ứng dụng***

Môn học trang bị kiến thức và kỹ năng phân tích, lựa chọn ý tưởng kinh doanh, biến những ý tưởng kinh doanh đó thành những cơ hội kinh doanh thực sự, từ đó lập kế hoạch khởi nghiệp và bắt đầu tiến hành kinh doanh; trang bị cho sinh viên những kỹ năng trình bày và bảo vệ một dự án kinh doanh. Giúp sinh viên có những kỹ năng nghiêu cứu và đánh giá các dự án kinh doanh, tính khả thi của một dự án kinh doanh

* ***Quản trị chiến lược***

Môn học “Quản trị chiến lược” thuộc hệ thống kiến thức ngành quản trị. Nội dung môn học cung cấp kiến thức căn bản về các nguyên tắc quản trị chiến lược của một doanh nghiệp hoặc một tổ chức trong các nền kinh tế có định hướng phát triển lâu dài. Hệ thống kiến thức bao gồm: phương pháp nhận diện, phân tích và đánh giá các yếu tố của môi trường bên trong và bên ngoài tổ chức, xây dựng kế hoạch chiến lược (bao gồm: xác định triết lý kinh doanh, tầm nhìn chiến lược, nhiệm vụ, mục tiêu và lựa chọn kế hoạch chiến lược các cấp), cách thức tổ chức thực hiện chiến lược (như: xây dựng cơ cấu tổ chức hữu hiệu, triển khai chiến lược thành các kế hoạch tác nghiệp, điều hành các tiến trình hoạt động, xây dựng văn hóa tổ chức bền vững) và kiểm tra mang tính chiến lược các hoạt động của doanh nghiệp hay tổ chức.

* ***Quản trị tài chính***

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản trong quản trị tài chính của doanh nghiệp như: thời giá của tiền tệ; cách đọc, phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp; phân tích, hoạch định và kiểm soát tài chính; xây dựng kế hoạch tài chính; phương thức quản trị vốn lưu động, vốn cố định,… qua đó nhận thức tầm quan trọng của quản trị tài chính trong doanh nghiệp và biết vận dụng những kiến thức môn học vào công việc và cuộc sống.

* ***Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp***

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức các hệ thống thông tin trongg doannh nghiệp, vai trò của các loại hệ thống thông tin tương ứng với từng cấp độ quản lý, các khái niệm và phương pháp quản lý phần cứng, phần mềm, dữ liệu, mạng truyền thông, Internet và con người trong hệ thống thông tin. Học phần cũng cung cấp các phương pháp xây dựng, triển khai HTTT trong tổ chức và tác động đến hoạt động và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những kiến thức về vấn đề an toàn hệ thống thông tin trong doanh nghiệp cũng được trang bị.

* ***Luật kinh tế***

Học phần Luật Kinh tế nghiên cứu địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh và pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cụ thể gồm: Quy chế pháp lý về thành lập và quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, vấn đề tổ chức lại và giải thể sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; dấu hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

* ***Hành vi tổ chức***

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về về thái độ và hành vi của người lao động trong tổ chức và các yếu tố tác động lên có khả năng đánh giá thái độ hành vi của người lao động và có khả năng vận dụng các cách thức phù hợp để tác động đến thái độ và hành vi của người lao động theo hướng có lợi cho tổ chức.

* ***Anh văn chuyên ngành quản trị***

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng anh giao tiếp trong môi trường kinh doanh với các đối tác nước ngoài, cách thức thực hiện các giao dịch hợp đồng bằng tiếng Anh. Ngoài ra, môn học này cũng trang bị thêm cho sinh viên một số từ vựng và các khái niệm cơ bản về thuật ngữ chuyên ngành quản trị kinh doanh thông qua các chủ đề liên quan đến kinh tế, tài chính, marketing…, đồng thời cung cấp một số cấu trúc văn phạm và các kỹ năng như nghe, nói, đọc hiểu cần thiết giúp sinh viên có thể giao tiếp tốt với người bản xứ, tự tin hơn khi làm việc cho các doanh nghiệp nước ngoài và có thể đọc hiểu các bài báo, tạp chí khoa học thế giới.

* ***Phân tích hoạt động kinh doanh***

Môn họcnhằm trang bị cho sinh viên các chuyên ngành kinh tế kiến thức về phân tích và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chương trình môn học bao gồm lý luận chung về phân tích kinh doanh và các nội dung phân tích gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: phân tích kết quả và tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí sản xuất và giá thành, phân tích lợi nhuận và tiêu thụ. Các nội dung phân tích thể hiện thông qua các chỉ tiêu kinh tế cụ thể cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

* ***Quản trị dự án***

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về quản trị dự án: cách thức lập kế hoạch, tổ chức và quản lý dự án; các phương pháp xây dựng ngân lưu, thẩm định dự án, cân đối nguồn lực khi thực hiện dự án,… qua đó nhận thức tầm quan trọng của việc quản trị dự án và biết vận dụng những kiến thức môn học vào công việc và cuộc sống.

* ***Quản trị chuỗi cung ứng***

Quản trị chuỗi cung ứng là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.

* ***Quản trị sản xuất***

Môn học cấp những khái niệm cơ bản về công tác tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp và các công tác hoạch định như: Dự báo nhu cầu, Hoạch định công suất, Hoạch định nhu cầu vật tư… Môn học cũng nhằm đào tạo các kỹ năng quản trị tác nghiệp như: Điều độ sản xuất, Bố trí mặt bằng…và công tác kiểm tra đánh giá hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp.

* ***Quản trị rủi ro***

Rủi ro là một vấn đề luôn xảy ra trong mọi hoạt động, từ hoạt động trong kinh doanh đến các hoạt động trong đời sống hằng ngày. Quản trị rủi ro là hành động không thể thiếu đối với các doanh nghiệp, giúp hoạt động của doanh nghiệp được duy trì, ổn định và giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra. Môn học quản trị rủi ro trình bày các vấn đề như: nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro nhằm giúp người học có thể xếp loại rủi ro và giảm thiểu rủi ro về tài chính, về giá và đầu tư.

* ***Luật lao động***

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về pháp luật lao động gồm: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc của ngành luật, nguồn của luật, quan hệ pháp luật lao động và những nội dung của pháp luật lao động Việt nam như: Việc làm học nghề, Hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc thương lượng tập thể và thoả ước lao động tập thể , thời giờ làm việc thời giờ nghỉ ngơi, Tiền lương, An toàn lao động vệ sinh lao động, kỷ luật lao động trách nhiệm vật chất, bảo hiểm xã hội, tranh chấp lao động, giải quyết tranh chấp lao động và đình công, quản lý Nhà nước về lao động.

* ***Marketing quốc tế***

Trình bày các kiến thức chuyên sâu về tiếp thị, quảng cáo và bán hàng trong hoạt động ngoại thương. Nghiên cứu các kế hoạch tiếp thị, chọn thị trường mục tiêu và chiến lược bàn hàng, thiết lập mạng lưới và phát triển các tài liệu tiếp thị, bán hàng phục vụ cho nhu cầu tiếp cận và đáp ứng nhu cầu kinh doanh xuất khẩu. Sinh viên cũng được giới thiệu về qui trình, cách thức lập kế hoach tiếp thị và kiểm soát triển khai.

* ***Khóa luận tốt nghiệp:*** *Bao gồm: Báo cáo nghiên cưu khoa học và báo cáo thực tập tốt nghiệp*
* Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một hoạt động xã hội, hướng vào việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết: hoặc là phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kĩ thuật mới để cải tạo thế giới,… sau đó viết bài và báo cáo với hội đồng giảng viên về những kiến thức, kỹ năng, khuyến nghị được học trong suốt quá trình nghiên cứu và thực tập, đồng thời cũng cho thấy được thái độ của sinh viên khi tiếp cận với công việc và khuyến nghị giải quyết các vấn đề thực tế.
* Báo cáo thực tập tốt nghiệp là việc sinh viên tham gia vào hoạt động tập sự tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các cơ quan hành chính sự nghiệp để tiếp cận với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý thực tế tại các doanh nghiệp. Sau 5 tháng thực tập tại doanh nghiệp, sinh viên sẽ tổng hợp lại những thông tin kinh tế cơ bản của doanh nghiệp như về nhân sự, tình hình hoạt động kinh doanh, quy trình sản xuất,… sau đó viết bài và báo cáo với hội đồng giảng viên về những kiến thức, kỹ năng đã được học trong suốt quá trình thực tập, đồng thời cũng cho thấy được thái độ của sinh viên khi tiếp cận với công việc thực tế.

**12. ĐẶC TRƯNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình này được triển khai giảng dạy theo phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, các phương pháp điển hình: Chiến lược kỹ năng tư duy để thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo, phương pháp nghiên cứu tình huống, … Ngoài ra, chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh cũng sử dụng mạnh mẽ hình thức tham luận, với khách mời là những doanh nhân, nhà quản trị, các cựu sinh viên thành đạt.. để sinh viên có thể có những bài học thực tế.

Đồng thời, trong chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh sử dụng thường xuyên phương pháp thuyết trình nhằm tăng cường các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng nói chuyện trước đám đông, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy phản biện … cho sinh viên. Sinh viên của chương trình còn được tham gia đa dạng các hoạt động thực tế thông qua các buổi kiến tập tại doanh nghiệp vào năm đầu tiên, năm hai và thực tập cuối khóa.

Đặc biệt, để thúc đẩy tinh thần kinh doanh và khởi nghiệp. Chương trình đào tạo quản trị kinh doanh còn phát triển các hoạt động dạy và học thông qua việc phát triển các dự án kinh doanh.

**13. ĐIỂM QUÁ TRÌNH**

Với việc sử dụng đa dạng chiến lược dạy và học, chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh cũng sử dụng phương pháp đánh giá đa dạng tương ứng. Với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua các hình thức thuyết trình, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài báo cáo hoặc thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm… Quy trình đánh giá được thực hiện một cách chặt chẻ và tuân thủ các tiêu chí đánh giá nhằm đảm bảo tính công bằng cho mọi sinh viên.

Trường sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần: điểm chuyên cần, điểm tự học và điểm cuối học phần (Thi tự luận, trắc nghiệm, báo cáo chuyên đề…). Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

Sinh viên phải đạt được 5/10 điểm cho tất cả các môn học. Trong trường hợp sinh viên không đạt, như năm nhất điểm trung bình dưới 3,0 điểm, năm hai dưới 3,5 điểm, năm ba dưới 4,0 điểm, năm tư dưới 4,5 điểm thì sinh viên bị lưu ban

**14. NGÀY BAN HÀNH VÀ CHỈNH SỬA**

Ngày ban hành …/2020 và chỉnh sửa 10/20